

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02 /2024/KDTM- ST**

Ngày 08/01/2024

*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hà

2. Bà Đỗ Thị Sỹ Long

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương –
Cán bộ Tòa án.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.***

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2023 đến ngày 08/01/2024, Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 70/2023/TLST - KDTM ngày 23/06/2023 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2023/QĐXXST- KDTM ngày 22/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 337/2023/QĐST-KDTM ngày 12/12/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng B (B)**. Địa chỉ: Tháp B, số 194, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Danh A - Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ (Theo Quyết định số 1051/QĐ-B ngày 23/10/2019). Địa chỉ nhận thông báo: Trung tâm Xử lý nợ, Tầng 19, Tháp A , 191 B, quận T, thành phố Hà Nội. Ông A uỷ quyền tham gia tố tụng cho: 1. Ông Đặng Quang M. 2. Ông Nguyễn K. 3. Ông Hoàng X. 4. Ông Nguyễn V. 5. Bà Nguyễn Thị Xuân H. 6. Ông Hoàng Tiến D (Theo Quyết định Uỷ quyền số 127/QĐ-B ngày 03/01/2024 của Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ B). (Đều có mặt)

* Bị đơn: **Công ty C** nay là **Công ty Cổ phần C** (gọi tắt là Công ty C). Địa chỉ trụ sở tại: Số 19, ngõ 1043, đường G, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Huy B – Giám đốc. (có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần tập đoàn D** (gọi tắt là Công ty D). Địa chỉ: Tầng 10 - 11, Tòa nhà I, số 243A đường Đ, Phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn G – Tổng giám đốc. Ông G uỷ quyền cho:

1. Ông Trần Văn Khánh (có mặt)

2. Ông Trần Danh Đàn (có mặt)

(Theo Giấy Uỷ quyền số 12152/2023/UQ-TGD ngày 26/07/2023).

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần tập đoàn D: ông Trần H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 06 năm 2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng B (gọi tắt là B) trình bày:

Công Ty C nay là Công ty cổ phần C là khách hàng vay vốn của Ngân hàng B – Chi nhánh B (sau đây gọi là B – CN Đ) theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6730527/HĐTD ngày 24/3/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 24/3/2015. Dư nợ giải ngân 525.000.000đồng, thời gian vay 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: đầu tư tài sản cố định.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6730527/HĐTD ngày 11/9/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 11/9/2015. Dư nợ giải ngân 1.450.000.000 đồng, thời gian vay 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: đầu tư tài sản cố định.

- Hợp đồng tín dụng số 05/2015/6730527/HĐTD ngày 07/10/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 17/11/2015. Dư nợ giải ngân 2.460.600.000 đồng, thời gian vay 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: đầu tư tài sản cố định.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/6730527/HĐTD ngày 20/11/2018, hạn mức tối đa 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), các Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 22/11/2018, 28/11/2018, 13/12/2018, 21/12/2018, 04/01/2019, 15/01/2019, 15/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 11/03/2019, 04/04/2019, 22/04/2019, 06/06/2019, 30/09/2019; Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động.

Để thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, B đã giải ngân cho Công ty C bằng các khế ước vay như sau:

Tài khoản vay	Ngày vay	Ngày đến hạn	Số tiền giải ngân (đồng)	Dư nợ đến hết ngày 30/4/2023 (đồng)		
				Dư nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn
12682000379963	11/3/2019	11/2/2020	756.210.000	756.210.000	217.788.480	97.374.986
12682000386662	22/4/2019	23/3/2020	743.566.081	743.566.081	214.147.032	92.405.911
12682000375253	30/1/2019	30/12/2019	907.996.000	907.996.000	261.502.848	121.198.809
12682000383487	4/4/2019	4/3/2020	627.298.710	627.298.710	180.662.028	79.263.059
12682000368332	21/12/2018	21/11/2019	997.579.916	744.003.717	214.273.071	102.489.060
12682000393228	6/6/2019	6/5/2020	1.574.876.956	1.574.876.956	453.564.563	188.122.289
12682000369706	4/1/2019	4/12/2019	721.435.288	721.435.288	207.773.363	98.352.383
12682000244681	25/9/2015	25/9/2020	525.000.000	78.750.000	29.354.063	12.579.402
12682000408247	30/9/2019	31/8/2020	2.579.008.454	2.579.008.454	739.928.124	275.000.025
12682000249835	17/11/2015	17/11/2020	2.460.600.000	492.120.000	184.136.609	75.597.664
12682000364297	28/11/2018	28/10/2019	1.200.425.203	1.200.425.203	345.722.458	168.519.965
12682000375262	30/1/2019	30/12/2019	2.415.941.770	2.415.941.770	695.791.230	322.478.584
12682000367287	13/12/2018	13/11/2019	3.000.000.000	3.000.000.000	863.999.999	415.890.411
12682000243581	15/9/2015	1/1/1900	1.450.000.000	290.000.000	108.062.257	44.557.795
12682000371613	15/1/2019	16/12/2019	316.499.024	316.499.024	91.151.719	42.731.704

Tài khoản vay	Ngày vay	Ngày đến hạn	Số tiền giải ngân (đồng)	Dư nợ đến hết ngày 30/4/2023 (đồng)		
				Dư nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn
12682000371622	15/1/2019	16/12/2019	212.610.047	212.610.047	61.231.693	28.705.269
12682000375235	30/1/2019	30/12/2019	1.100.000.000	1.100.000.000	316.800.000	146.827.397
12682000363230	22/11/2018	22/10/2019	946.990.853	911.614.057	265.592.345	129.994.117
Tổng cộng:			22.536.038.302	18.672.355.307	5.451.481.882	2.442.088.830

* Để đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng của Công ty cổ phần C tại B thì Công ty cổ phần C đã thế chấp các tài sản cụ thể như sau:

TT	Hợp đồng bảo đảm	Tài sản bảo đảm
1	Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6730527/HĐBĐ ký ngày 24/3/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1177300761 ngày 25/3/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	Xe Toyota - Hilux Biển kiểm soát 29C-479.00 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 20/3/2015.
2	Hợp đồng thế chấp số 02/2015/6730527/HĐBĐ ký ngày 23/04/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1179608684 ngày 23/4/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	01 xe TOYOTA FORTUNER BKS 30A-436.17 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 12/12/2015.
3	Hợp đồng thế chấp số 05/2015/6730527/HĐBĐ ký ngày 07/10/2015, Văn bản sửa đổi số 05/2015/6730527/SĐBS ngày 22/12/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1200625396 ngày 22/12/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	Máy bơm bê tông PUTZMEISTER BSA2109H-D và hệ thống ống chịu áp lực loại SK.
4	Hợp đồng thế chấp số 03/2015/6730527/HĐBĐ ký ngày 11/09/2015, Văn bản sửa đổi số 01/2015/6730527/SĐBS ngày 26/10/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1191258962 ngày 14/9/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	Xe oto tải Dong Feng có cần cẩu BKS 29C-560.79 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 31/8/2015.
5	Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6730527/HĐBĐ ký ngày 31/10/2016. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1229482975 ngày 01/11/2016 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	01 Máy bơm, thiết bị đồng bộ máy xúc.
6	Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/HĐBĐ ký ngày 14/12/2017; Văn bản số 13387/TĐ-BTC ngày 04/12/2017 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1272310801 ngày 14/12/2017 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	Quyền đòi nợ Hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-414 ngày 16/01/2018.
7	Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/HĐBĐ ký ngày 11/04/2018; Văn bản số 1680/TĐ-BTC ngày 26/3/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1284212169 ngày 11/4/2018 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	Quyền đòi nợ Hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018.

TT	Hợp đồng bảo đảm	Tài sản bảo đảm
8	Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/ HĐBD ký ngày 27/09/2018; Văn bản số 12061/TĐ-BTC ngày 01/8/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1301801700 ngày 28/9/2018 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.	Quyền đòi nợ Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017, phụ lục 01 ngày 30/05/2018 và phụ lục 02 ngày 20/06/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần C đã trả được số tiền 3.863.682.995 đồng theo các khế ước còn lại.

Sau đó đến ngày 22/10/2019, Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho B, do đó toàn bộ số tiền nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày phát sinh nợ quá hạn, B đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty cổ phần C thực hiện nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng. Mặc dù đã nhiều lần cam kết trả nợ cho B nhưng đến nay Công ty cổ phần C không thực hiện đúng cam kết. Tạm tính đến hết 31/7/2023, Công ty cổ phần C còn nợ B – Chi nhánh Đ số tiền như sau: nợ gốc: 18.672.355.307đồng. Nợ lãi trong hạn: 5.832.859.513đồng. Lãi quá hạn: 2.632.777.646đồng. Tổng: 27.137.992.466đồng.

B đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết những yêu cầu sau đây:

1. Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán ngay cho B tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 31/07/2023 là 27.137.992.466 đồng (*Hai mươi bảy tỷ, một trăm ba bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm sáu sáu đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là 18.672.355.307đồng, nợ lãi trong hạn là 5.832.859.513 đồng và lãi quá hạn là 2.632.777.646đồng.

2. Công ty cổ phần C còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn và các chi phí khác phát sinh (nếu có) kể từ ngày 01/8/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

3. Trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì B có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6730527/HĐB D ký ngày 24/3/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 02/2015/6730527/HĐBD ký ngày 23/04/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 05/2015/6730527/HĐBD ký ngày 07/10/2015, Văn bản sửa đổi số 05/2015/6730527/SĐBS ngày 22/12/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 03/2015/6730527/ HĐBD ký ngày 11/09/2015, Văn bản sửa đổi số 01/2015/6730527/SĐBS ngày 26/10/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6730527/ HĐBD ký ngày 31/10/2016.
- Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/ HĐBD ký ngày 14/12/2017; Văn bản số 13387/TĐ-BTC ngày 04/12/2017 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D.
- Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/ HĐBD ký ngày 11/04/2018; Văn bản số 1680/TĐ-BTC ngày 26/3/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D.

- Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/ HĐBD ký ngày 27/09/2018; Văn bản số 12061/TĐ-BTC ngày 01/8/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần C đối với B. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không thu hồi đủ nợ thì Công ty cổ phần C có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B cho đến khi tất toán khoản vay.

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn – Công ty C nay là Công ty Cổ phần C do ông Võ Huy B làm đại diện trình bày:**

Ông xác nhận tổng số nợ của Công ty C tại B – Chi nhánh Đ là 26.565.926.019đồng, trong đó có nợ gốc là: 18.672.355.307đồng, nợ lãi là: 5.451.481.882đồng, lãi chậm trả là: 2.442.088.836đồng. Trong đó số nợ gốc này có cả số nợ vay vốn ngắn hạn là: 17.811.485.307đồng (Nút giao Tân Vũ: 6.38.982.719đồng; Dự án mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất: 6.128.551.124đồng; Dự án Mộc Bài: 5.353.951.464đồng) và vay trung hạn để đầu tư tài sản: 860.870.000đồng. Các dự án này là có thật và được triển khai thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng theo Hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

Tất cả các món vay giải ngân đều thực hiện đúng mục đích đảm bảo cho việc triển khai thi công các dự án, đảm bảo theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

Do Công ty CP C đang hoạt động khó khăn. Do vậy, đề nghị phía Ngân hàng xem xét: Tiếp tục khoan nợ, giảm lãi quá hạn để đơn vị tiếp tục tồn tại hoạt động; đề nghị Ngân hàng tác động phía Tập đoàn D hỗ trợ đơn vị trong phương án trả nợ cũng như trong công việc để tạo điều kiện đơn vị tiếp tục sản xuất kinh doanh để có điều kiện trả nợ.

Đối với các tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay đề nghị xử lý theo quy định, cụ thể:

1. Xe Toyota – Hilux Biển kiểm soát 29C-479.00 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 20/03/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6730527/ HĐBD ký ngày 24/3/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1177300761 ngày 25/3/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm. Hiện nay đang ở sân bay Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà.

2. 01 xe TOYOTA FORTUNER BKS 30A-436.17 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 12/12/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số 02/2015/6730527/ HĐBD ký ngày 23/04/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1179608684 ngày 23/4/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm. Đang ở trụ sở Công ty địa chỉ: Số 19, ngõ 1043, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3. Máy bơm bê tông PUTZMEISTER BSA2109H-D và hệ thống ống chịu áp lực loại SK. Theo Hợp đồng thế chấp số 05/2015/6730527/ HĐBD ký ngày 07/10/2015, Văn bản sửa đổi số 05/2015/6730527/HĐBS ngày 22/12/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1200625396 ngày 22/12/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm. Hiện đang ở kho lưu trữ ở Thanh Trì.

4. Xe oto tải Dong Feng có cần cẩu BKS 29C-560.79 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 31/8/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số

03/2015/6730527/ HĐBD ký ngày 11/09/2015, Văn bản sửa đổi số 01/2015/6730527/SĐBS ngày 26/10/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1191258962 ngày 14/9/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm. Đang ở kho công trường xã Hàm Tân, Bình Thuận.

5. 01 Máy bơm, thiết bị đồng bộ máy xúc. Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6730527/ HĐBD ký ngày 31/10/2016. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1229482975 ngày 01/11/2016 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm. Ở kho KCN Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Thanh Trì.

Và các quyền đòi nợ của Cienco 4, cụ thể:

1. Quyền đòi nợ Hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-414 ngày 16/01/2018. Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/HĐBD ký ngày 14/12/2017; Văn bản số 13387/TĐ-BTC ngày 04/12/2017 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1272310801 ngày 14/12/2017 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.

2. Quyền đòi nợ Hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018. Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/HĐBD ký ngày 11/04/2018; Văn bản số 1680/TĐ-BTC ngày 26/3/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1284212169 ngày 11/4/2018 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.

3. Quyền đòi nợ Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017, phụ lục 01 ngày 30/05/2018 và phụ lục 02 ngày 20/06/2018. Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/HĐBD ký ngày 27/09/2018; Văn bản số 12061/TĐ-BTC ngày 01/8/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1301801700 ngày 28/9/2018 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm.

* **Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - **Công ty cổ phần tập đoàn D** do ông Trần Văn Khánh trình bày: Công ty C là công ty liên kết của Công ty D, Công ty D có 1 phần vốn (cổ phần) tại Công ty C.

Công ty cổ phần tập đoàn D không nắm được Công ty cổ phần C vay vốn của Ngân hàng B – Chi nhánh Đ cụ thể là những gì và bao nhiêu tiền.

Đối với 3 quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/ HĐBD ký ngày 14/12/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/HĐBD ký ngày 11/04/2018; Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/HĐBD ký ngày 27/09/2018; do D không được tham gia ký kết, không được biết về nội dung nên không có nghĩa vụ hay trách nhiệm phải thanh toán.

Đối với 3 Văn bản cam kết 1680 ngày 26/3/2018, 13387 ngày 04/12/2017, 12061 ngày 1/8/2018 mà D gửi cho B thì D căn cứ vào công văn số 660 ngày 30/7/2018; 314 ngày 20/3/2018; công văn số 973 ngày 30/11/2017 của Công ty C thì D trả lời cho B.

Giữa Công ty D và Công ty C có ký kết các hợp đồng cụ thể: Hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-C ngày 16/01/2017 hạng mục thi công một số hạng mục tại Nút giao Tân Vũ dự án xây dựng đường ô tô Tân Vũ – Lạch Huyện. Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017 về việc “thi công toàn bộ hạng mục thuộc tuyến đường Đ.N1A gói thầu CW8 dự án phát triển kinh tế các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tại Mộc Bài – tỉnh Tây

Ninh. Hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018 về việc “thi công xây dựng công trình và thiết kế bản vẽ thi công dự án: Mở rộng sân đỗ máy bay khu 19,79 ha đất quân sự bàn giao tại Tân Sơn Nhất.

Quá trình thực hiện các hợp đồng thi công trên đã hoàn thành, đã có đối chiếu công nợ.

Trong các văn bản cam kết có ghi như sau: “D cam kết chuyển 100% ...” tức là không có nghĩa chuyển tiền toàn bộ doanh thu (giá trị hợp đồng) cho công ty C mà D chỉ thanh toán cho Công ty C sau khi đã đối trừ các công nợ (công nợ về vật liệu, về thuê máy móc thi công, công nợ về các khoản vay khác); ngoài ra D còn phải tạm giữ tiền bảo hành.

D không có ý kiến gì về các Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, các Hợp đồng thế chấp đã ký kết của Công ty C tại B – Chi nhánh Đ.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn - đại diện theo ủy quyền của B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp các Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6730527/HĐTD ngày 24/03/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 24/3/2015; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6730527/HĐTD ngày 11/9/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 11/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 05/2015/6730527/HĐTD ngày 07/10/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 17/11/2015; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/6730527/HĐTD ngày 20/11/2018, hạn mức tối đa 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), các Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 22/11/2018, 28/11/2018, 13/12/2018, 21/12/2018, 04/01/2019, 15/01/2019, 15/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 11/03/2019, 04/04/2019, 22/04/2019, 06/06/2019, 30/09/2019;

1. Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán ngay cho B tổng số tiền tính đến ngày 04/01/2024 là **28.108.018.245 đồng** (Hai mươi tám tỷ, một trăm linh tám triệu, không trăm mười tám nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc là 18.672.355.307 đồng, dư nợ lãi trong hạn: 1.913.339.188 đồng; dư nợ lãi quá hạn: 7.522.323.750 đồng.

Cụ thể:

TT	Tài khoản vay	Ngày vay	Số tiền giải ngân	Dư nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Tổng lãi
1	401260243581	15/9/2015	1,450,000,000	290,000,000	38,335,785	144,550,658	182,886,443
2	401260244681	25/9/2015	525,000,000	78,750,000	10,419,719	39,732,635	50,152,354
3	401260249835	17/11/2015	2,460,600,000	492,120,000	65,813,190	245,282,069	311,095,259
4	401260363230	22/11/2018	946,990,853	911,614,057	94,015,295	375,898,944	469,914,239
5	401260364297	28/11/2018	1,200,425,203	1,200,425,203	121,292,278	490,825,853	612,118,131
6	401260367287	13/12/2018	3,000,000,000	3,000,000,000	303,123,287	1,221,369,847	1,524,493,134
7	401260368332	21/12/2018	997,579,916	744,003,717	75,174,951	302,249,006	377,423,957
8	401260369706	4/1/2019	721,435,288	721,435,288	72,894,612	292,052,766	364,947,378
9	401260371622	15/1/2019	212,610,047	212,610,047	21,482,352	85,789,644	107,271,996
10	401260371613	15/1/2019	316,499,024	316,499,024	31,979,408	127,709,546	159,688,954
11	401260375253	30/1/2019	907,996,000	907,996,000	91,744,911	364,989,464	456,734,375
12	401260375235	30/1/2019	1,100,000,000	1,100,000,000	111,145,205	442,169,871	553,315,076
13	401260375262	30/1/2019	2,415,941,770	2,415,941,770	244,109,404	971,142,434	1,215,251,838
14	401260379963	11/3/2019	756,210,000	756,210,000	76,408,287	300,412,151	376,820,438
15	401260383487	4/4/2019	627,298,710	627,298,710	63,382,949	247,688,458	311,071,407
16	401260386662	22/4/2019	743,566,081	743,566,081	75,130,732	292,048,349	367,179,081
17	401260393228	6/6/2019	1,574,876,956	1,574,876,956	159,127,293	610,965,933	770,093,226
18	401260408247	30/9/2019	2,579,008,454	2,579,008,454	257,759,530	967,446,122	1,225,205,652
Tổng cộng			22,536,038,302	18,672,355,307	1,913,339,188	7,522,323,750	9,435,662,938

2. Công ty cổ phần C còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn và các chi phí khác phát sinh (nếu có) kể từ ngày 05/01/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

3. Trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì B có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6730527/HĐBD ký ngày 24/3/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 02/2015/6730527/HĐBD ký ngày 23/04/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 05/2015/6730527/HĐBD ký ngày 07/10/2015, Văn bản sửa đổi số 05/2015/6730527/SĐBS ngày 22/12/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 03/2015/6730527/ HĐBD ký ngày 11/09/2015, Văn bản sửa đổi số 01/2015/6730527/SĐBS ngày 26/10/2015.
- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6730527/ HĐBD ký ngày 31/10/2016.

* Căn cứ Văn bản số 13387/TĐ-BTC ngày 04/12/2017 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D; Văn bản số 1680/TĐ-BTC ngày 26/3/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D; Văn bản số 12061/TĐ-BTC ngày 01/8/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D qua tài khoản của B. Do vậy, Ngân hàng có quyền yêu cầu đề nghị D có trách nhiệm thanh toán doanh thu theo đúng các văn bản cam kết tại các hợp đồng thế chấp, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/ HĐBD ký ngày 14/12/2017;
- Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/ HĐBD ký ngày 11/04/2018;
- Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/ HĐBD ký ngày 27/09/2018;

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần C đối với B. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không thu hồi đủ nợ thì Công ty cổ phần C có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B cho đến khi tất toán khoản vay.

Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh thông tin đối với tài sản thế chấp như sau: tại đơn khởi kiện số 7766/B -TTXLN ngày 06/06/2023 Ngân hàng có liệt kê tài sản bảo đảm là xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30A-436.17, do sai sót đã ghi sai ngày cấp đăng ký của Phòng Cảnh sát giao thông Hà Nội là ngày 12/12/2015; Ngân hàng đề nghị HĐXX điều chỉnh là ngày 12/12/2014.

* Bị đơn – người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần C – ông B thừa nhận: do có nhu cầu vay vốn và được sự đồng ý bằng văn bản, cụ thể biên bản họp hội đồng quản trị số 18/BB – HĐQT ngày 07/06/2018 và Nghị quyết số 28/2016/NQ – HĐQT ngày 07/09/2016 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP cho phép C vay vốn tại B – chi nhánh Đ . Ông thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, các hợp đồng thế chấp và các phụ lục với B là đúng. Ông thừa nhận Công ty C còn nợ B tính đến ngày 04/01/2024 tổng số tiền là 28.108.018.245 đồng (*Hai mươi tám tỷ, một trăm linh tám triệu, không trăm mười tám nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là 18.672.355.307 đồng, dư nợ lãi trong hạn: 1.913.339.188 đồng; dư nợ lãi quá hạn: 7.522.323.750 đồng tại B – chi nhánh Đ theo các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, các hợp đồng thế chấp đã ký kết là đúng và không có ý kiến gì. Do Công ty C hoạt động khó khăn nên đề nghị được cơ cấu dẫn nợ và được trả dần khoản nợ. Đối với 03 hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ theo 03 hợp đồng xây dựng đối với Công ty D, đề nghị D tạo điều kiện để trả nợ cùng C. Ông thừa nhận tính đến ngày 03/5/2023, D và Công ty C đã xác nhận công nợ của các hợp đồng

xây dựng nói trên, tuy nhiên chưa thanh lý vì còn liên quan đến chủ đầu tư. Các hợp đồng xây dựng cụ thể như sau:

- Hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-414 ngày 16/11/2017, Dự án Tân Vũ giá trị theo hợp đồng tạm tính 65.749.450.122 đồng; giá trị thực hiện 91.133.263.228 đồng; D tạm ứng cho Công ty C số tiền hơn 60.000.000.000đồng; đã thanh toán 91.133.263.228đồng trong đó thanh toán về tài khoản của B là 41.118.692.869 đồng;

- Hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018, Dự án Sân đỗ máy bay quân sự Tân Sơn Nhất giá trị theo hợp đồng tạm tính 46.840.496.000 đồng; giá trị thực hiện 44.631.681.000đồng; D tạm ứng cho Công ty C số tiền hơn 8 tỷ đồng; đã thanh toán 44.631.681.000đồng trong đó thanh toán về tài khoản của B là 1.829.811.700đồng;

- Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017, Dự án Mộc Bài – Tây Ninh giá trị theo hợp đồng tạm tính 34.866.740.049 đồng; D tạm ứng cho C số tiền hơn 3 tỷ đồng; giá trị thực hiện 31.174.453.734đồng; đã thanh toán 30.153.869.743 đồng trong đó thanh toán về tài khoản của B là 3.294.000.000đồng; còn nợ tiền bảo hành 6 tháng 1.587.583.991 đồng.

Công ty cổ phần C thừa nhận có lỗi khi có văn bản đề nghị D chuyển tiền vào các tài khoản của Công ty C tại các Ngân hàng khác với lý do đối trừ công nợ khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: D– do ông K đại diện theo ủy quyền trình bày: 03 hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ được ký kết đơn phương giữa B và Công ty C, D không được biết, không rõ Công ty C vay B bao nhiêu tiền. Đối với các cam kết về việc chuyển tiền thanh toán về tài khoản của Công ty C tại B – Chi nhánh Đ đối với các dự án theo 03 hợp đồng xây dựng, D xác nhận số tài khoản chuyển tiền thanh toán phù hợp với nội dung quy định tại 03 hợp đồng xây dựng đã ký giữa D và Công ty C. D chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại 03 hợp đồng xây dựng đã ký giữa D và Công ty C tức là “giá trị thanh toán là giá trị sau khi trừ các chi phí và khoản đối trừ nội bộ”. Các khoản thanh toán qua các tài khoản Ngân hàng khác đều là theo yêu cầu của C. Tính đến ngày 03/5/2023, D và công ty C đã xác nhận công nợ của các hợp đồng xây dựng, tuy nhiên chưa thanh lý hợp đồng vì liên quan đến chủ đầu tư. Các hợp đồng xây dựng cụ thể như Công ty C trình bày tại phiên tòa là đúng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – luật sư Trần Huy T đề nghị: không chấp thuận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ đối với 03 hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-414 ngày 16/11/2017; Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4 – 414 ngày 18/10/2017; và hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018; với lý do: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ được xác lập đơn phương giữa B và C, D không được biết, không xác nhận nội dung thế chấp. Việc thực hiện nhận và quản lý thế chấp tài sản là quyền đòi nợ của B không chặt chẽ và đảm bảo tính pháp lý. B nhận tài sản thế chấp là quyền đòi nợ nhưng không định giá tài sản theo đúng quy định, chỉ thực hiện tạm định giá giá trị tài sản hình thành trong tương lai bằng với giá trị hợp đồng thi công đã ký giữa D và C; B không có bất kỳ thông báo nào cho D về việc nhận thế chấp tài sản hay yêu cầu chuyển tiền, xác nhận công nợ, không kiểm tra, thu thập các biên bản đối chiếu công nợ để xác định giá trị thực tế của quyền đòi nợ theo 03 hợp đồng

xây dựng; D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo đúng quy định đã thỏa thuận tại điều khoản thanh toán của các hợp đồng xây dựng. Do vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định 21/2021/NĐ – CP ngày 19/3/2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và Điều 7 Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT – BTP – BTNMT – NHNN ngày 06/6/2014 hướng dẫn một số vấn đề về xử lý tài sản bảo đảm thì để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ thì B phải chứng minh về việc đã thông báo xử lý quyền đòi nợ đối với D. Do đó, B chỉ có quyền yêu cầu trả nợ đối với các khoản công nợ còn lại của 03 hợp đồng xây dựng theo các biên bản đối chiếu công nợ đến thời điểm yêu cầu.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Được nhận thông báo, quyết định và các văn bản do Tòa án giải quyết trong quá trình chuẩn bị xét xử theo đúng quy định, được quyền xem, sao lục các tài liệu do Tòa án thu thập cũng như do các bên đương sự cung cấp, được quyền trình bày, hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng B về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty C. Buộc Công ty C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 18.672.355.307 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng B và Công ty cổ phần C là tranh chấp giữa hai doanh nghiệp cùng có tư cách pháp nhân có mục đích lợi nhuận nên xác định tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp kinh doanh thương mại” quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án:

Các bên thống nhất thỏa thuận theo Điều 5 của Hợp đồng tín dụng: “mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay vốn được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình”. Hai bên thống nhất Tòa án có thẩm

quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân quận Đphù hợp với điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn – Công ty C không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty D không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1]. Xét các Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6730527/HĐTD ngày 24/03/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 24/3/2015; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6730527/HĐTD ngày 11/9/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 11/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 05/2015/6730527/HĐTD ngày 07/10/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 17/11/2015; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/6730527/HĐTD ngày 20/11/2018, hạn mức tối đa 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), các Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 22/11/2018, 28/11/2018, 13/12/2018, 21/12/2018, 04/01/2019, 15/01/2019, 15/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 11/03/2019, 04/04/2019, 22/04/2019, 06/06/2019, 30/09/2019 đều được lập thành văn bản và được ký kết bởi đại diện hợp pháp của B– Chi nhánh Đvà Công ty C trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, phù hợp với các quy định tại Điều 117, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành.

B đã thực hiện giải ngân cho nhiều lần Công ty C với tổng số tiền 61.477.003.120 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã trả được 47.456.644.887 đồng, trong đó có 42.804.647.813 đồng nợ gốc và 4.651.997.074 đồng nợ lãi,

Sau đó, do Công ty C không trả nợ theo cam kết vi phạm các điều đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ; Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn là có cơ sở pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty C phải trả khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng là 18.672.355.307 đồng.

[4.2] Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất, nhận thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức*

tín dụng theo quy định của pháp luật”. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: “*Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*”.

Về lãi suất cho vay được thể hiện trong các hợp đồng tín dụng, bảng kê rút vốn, xét Ngân hàng áp dụng mức lãi suất vay cao nhất cho khoản vay là 8%/năm từ thời điểm năm 2015 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm không trái quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Về lãi quá hạn, các bên thỏa thuận bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay 1627.

Xét thấy, căn cứ trên bảng kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; các bên đương sự không có tranh chấp gì về lãi suất và cách tính lãi của Ngân hàng nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán về lãi cho Ngân hàng.

Buộc Công ty C phải trả cho B số dư nợ lãi còn lại theo các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng với Công ty C tính đến ngày 04/01/2024 là: dư nợ lãi trong hạn: 1.913.339.188 đồng; dư nợ lãi quá hạn: 7.522.323.750 đồng.

Công ty C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 05/01/2024 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[5]. Về yêu cầu phát mại các tài sản bảo đảm cho khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng của nguyên đơn:

5.1 Xét các Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6730527/HĐBD ngày 24/03/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6730527/HĐBD ngày 23/04/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015/6730527/HĐBD ngày 07/10/2015; Văn bản sửa đổi số 05/2015/6730527/SĐBS ngày 22/12/2015; Hợp đồng thế chấp số 03/2015/6730527/HĐBD ngày 11/09/2015; Văn bản sửa đổi số 01/2015/6730527/SĐBS ngày 26/10/2015; Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6730527/HĐBD ngày 31/10/2016; đã ký giữa bên thế chấp Công ty C (nay là công ty cổ phần C) và bên nhận thế chấp là B - chi nhánh Ba Đình: về hình thức đều do chủ sở hữu hợp pháp của tài sản cũng đồng thời là bên vay ký kết với người có thẩm quyền đại diện cho Ngân hàng. Bên nhận bảo đảm - Ngân hàng B và bên bảo đảm - Công ty Cổ phần C đã ký các đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm. Hội đồng xét xử xét, khi ký kết hợp đồng người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện ký kết phù hợp với các quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, 4, 25 Nghị

định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm; Tại Điều 9 của các Hợp đồng thế chấp có thoả thuận về việc xử lý tài sản thế chấp, do Công ty C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng B yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo theo nội dung các Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với các quy định của pháp luật vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, B được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là:

01, 01 (một) Xe Toyota – Hilux – loại xe tải pickup cabin kép có 05 chỗ ngồi. Biển kiểm soát 29C-479.00 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 20/03/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6730527/HĐBĐ ký ngày 24/3/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1177300761 ngày 25/3/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm; Tại biên bản xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 01/11/2023, hiện trạng xe tại thời điểm xem xét thẩm định: vẫn sử dụng bình thường.

02, 01 (một) Xe ô tô Toyota Fortuner, 2 cầu động cơ xăng - 07 chỗ ngồi, Biển kiểm soát: 30A - 436.17, Số khung: 59G2E9018953, Số máy: 2TR7874618 theo Đăng ký xe ô tô số 064235 do Phòng CSGT Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty Cổ phần C. Theo Biên bản xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 02/11/2023 hiện xe vẫn đang hoạt động bình thường.

03, 01 (một) máy bơm bê tông Putzmister BSA2109H - D và hệ thống ống chịu áp lực loại SK. Theo Biên bản xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 01/11/2023 hiện máy vẫn đang hoạt động bình thường.

04, 01 (một) Xe oto tải Dong Feng có cần cẩu BKS 29C-560.79 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 31/8/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2015/6730527/HĐBĐ ký ngày 11/09/2015, Văn bản sửa đổi số 01/2015/6730527/HĐBS ngày 26/10/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1191258962 ngày 14/9/2015 tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm; Tại biên bản xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 01/11/2023, Xe hiện đang thi công tại công trường của Công ty C tại số nhà 44 tỉnh lộ 720, thôn 4, xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Hiện trạng xe tại thời điểm xem xét thẩm định: xe vẫn đang sử dụng.

05, 01 (một) máy bơm, thiết bị đồng bộ máy xúc. Theo Biên bản xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 01/11/2023 hiện máy vẫn đang hoạt động bình thường. Ngoài ra, thiết bị đồng bộ máy xúc còn 01 máy xúc lật bánh lốp Komatsu hiện đang đặt tại số 9 đường Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, do máy bị hỏng từ năm 2022 không còn hoạt động nên Công ty C mang sửa tại xưởng. Đối với 01 búa đá thủy lực furukana F20 hiện đang đặt tại kho của công ty BOT Vinh từ tháng 3/2022. Hiện búa đá thủy lực vẫn do Công ty C quản lý.

[6] Đối với các quyền đòi nợ:

Xét các Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/HĐBĐ ký ngày 14/12/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/HĐBĐ ký ngày 11/04/2018; Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/HĐBĐ ký ngày 27/09/2018; Các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ nêu trên đều được ký kết giữa B – Chi nhánh Ba Đình;

bên thế chấp - Công ty C đều do người có thẩm quyền đại diện các bên ký kết, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký quốc gia về giao dịch bảo đảm nên thỏa mãn các quy định về thế chấp tài sản

Căn cứ khoản 1 Điều 332 “*Các quyền tài sản thuộc sở hữu của bên bảo đảm bao gồm quyền tài sản phát sinh từ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm đối với vật bảo đảm, quyền tài sản đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng và các quyền tài sản khác thuộc sở hữu của bên bảo đảm đều được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự*”. Quy định này ghi nhận khả năng dùng “quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng” để bảo đảm nghĩa vụ trong đó quyền đòi nợ sẽ phát sinh từ một hợp đồng cụ thể. Như vậy, bất kỳ tài sản nào cũng có thể được sử dụng để bảo đảm trong đó có “quyền đòi nợ” (quyền tài sản) cũng là một loại tài sản nên hoàn toàn vẫn được sử dụng để bảo đảm theo Bộ luật dân sự 2015.

Tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm, đã quy định về thế chấp quyền đòi nợ, theo đó: “*Bên có quyền đòi nợ được thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền đòi nợ, bao gồm cả quyền đòi nợ trong tương lai mà không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ trả nợ*”. Như vậy, việc thế chấp tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty C với B dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên và thực hiện đúng trình tự thủ tục qui định của pháp luật. Bên nhận thế chấp quyền đòi nợ có quyền yêu cầu bên nghĩa vụ trả nợ phải thanh toán cho mình khi đến hạn mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo Điều 9 xử lý tài sản thế chấp. Do Công ty C không trả được nợ nên B yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán là Công ty D thực hiện đúng theo nội dung các cam kết đã gửi cho B.

6.1. Xét thấy, căn cứ vào biên bản họp hội đồng quản trị số 18/BB – HĐQT ngày 07/06/2018 và Nghị quyết số 28/2016/NQ – HĐQT ngày 07/09/2016 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP; Công ty C được D phê duyệt đi vay vốn tại B - chi nhánh Ba Đình. Theo đơn đề nghị của Công ty C mà D đã có các văn bản cam kết về việc chuyển tiền thanh toán và đều được nêu cụ thể trong hợp đồng thế chấp.

Xét tại các cam kết thanh toán tiền của D cụ thể:

- Văn bản số 13387/TĐ-BTC ngày 04/12/2017 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D; căn cứ công văn số 973/CT4/TC - KT ngày 30/11/2017 của công ty C gửi cho D về việc cam kết thanh toán tiền dự án nút giao Tân Vũ. Căn cứ hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-414 ngày 16/11/2017 hạng mục: “*Thi công một số hạng mục tại Nút giao Tân Vũ dự án xây dựng đường ô tô Tân Vũ - Lạch Huyện*”. Giá trị tạm tính là 65.749.450.122 đồng. Tại hợp đồng này chúng tôi thống nhất để tài khoản thanh toán của công ty C là tài khoản số 12610006668688 tại B - chi nhánh Ba Đình. Vì vậy, Công ty cổ phần tập đoàn D cam kết chuyển 100% giá trị thanh toán mà Công ty C được hưởng của hợp đồng này về tài khoản nói trên của Công ty C mở tại B - Chi nhánh Đ và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện.

- Văn bản số 1680/TĐ-BTC ngày 26/03/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D; căn cứ công văn số 314/CT4/TC - KT ngày 20/03/2018 của công ty C gửi cho D về việc: “*cam kết thanh toán tiền dự án Tân Sơn Nhất*”. Căn cứ hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018 với công ty cổ phần

tập đoàn D về việc: “Thi công xây dựng công trình và thiết kế bản vẽ thi công dự án: Mở rộng sân đỗ máy bay khu 19,79 ha đất quân sự bàn giao tại Tân Sơn Nhất”. Giá trị tạm tính là 46.840.496.000 đồng (bốn mươi sáu tỉ tám trăm bốn mươi triệu bốn trăm chín sáu nghìn đồng). Tại hợp đồng này chúng tôi thống nhất để tài khoản thanh toán của công ty C là tài khoản số 12610006668688 tại B - chi nhánh Ba Đình. Vì vậy, Công ty cổ phần tập đoàn D cam kết chuyển 100% giá trị thanh toán mà Công ty C được hưởng của hợp đồng này về tài khoản nói trên của Công ty C mở tại B - Chi nhánh Đ và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện.

- Văn bản số 12061/TĐ-BTC ngày 01/08/2018 về việc cam kết chuyển tiền thanh toán của D; căn cứ công văn số 660/C414/TC - KT ngày 30/07/2018 của công ty C (nay là Công ty cổ phần C) gửi cho Công ty cổ phần tập đoàn D về việc: “cam kết thanh toán tiền dự án Mộc Bài. Căn cứ hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017 giữa Công ty cổ phần C với Công ty cổ phần tập đoàn D về việc: “Thi công toàn bộ hạng mục thuộc tuyến đường Đ.N1A gói thầu CW8 dự án phát triển kinh tế các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tại Mộc Bài – tỉnh Tây Ninh. Giá trị hợp đồng tạm tính (sau khi đã trừ các đợt thanh toán trước) là 27.670.000.000 đồng (hai mươi bảy tỉ, sáu trăm bảy mươi triệu đồng chẵn). Tại hợp đồng này chúng tôi thống nhất để tài khoản thanh toán của Công ty C là tài khoản số 12610006668688 tại B - chi nhánh Ba Đình. Vì vậy, Công ty cổ phần tập đoàn D cam kết chuyển 100% giá trị thanh toán mà Công ty C được hưởng còn lại của hợp đồng này về tài khoản nói trên của Công ty cổ phần C mở tại B - Chi nhánh Đ và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện”.

Theo các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng thế chấp thì Công ty C đã cam kết với Ngân hàng về các điều khoản thanh toán cho B; Tại điểm e khoản 2 Điều 7 của hợp đồng quy định rõ về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty C: “phải thông báo cho D về việc thế chấp”, cung cấp các tài liệu chứng cứ trong suốt quá trình thi công các hợp đồng xây dựng; phối hợp với Ngân hàng để định giá lại giá trị tài sản; đơn đốc D trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, Công ty C chưa cung cấp hóa đơn, hồ sơ tài liệu chứng cứ cho Ngân hàng để thực hiện việc giám sát khoản nợ và đối chiếu công nợ; Công ty C cũng thừa nhận lỗi khi đã có văn bản đề nghị D chuyển tiền vào 02 tài khoản tại các Ngân hàng khác nhưng không thông báo cho B. Tại phiên tòa, Công ty D và Công ty C đều thừa nhận hai bên mặc dù đã có biên bản đối chiếu công nợ nhưng cũng thừa nhận chưa thanh lý hợp đồng;

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để chấp nhận cho Ngân hàng được quyền thực hiện quyền đòi nợ theo nội dung của các Hợp đồng thế chấp đã ký kết và các cam kết thanh toán tiền của D để thu hồi nợ cho B.

Các tài sản thế chấp quyền đòi nợ bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/HĐBĐ ký ngày 14/12/2017; tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ khối lượng thi công xây lắp hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-414 ngày 16/11/2017 giữa Công ty cổ phần tập đoàn D và Công ty C nay là công ty cổ phần C - Hạng mục thi công một số hạng mục tại Nút giao Tân Vũ, Dự án: Xây dựng đường ô tô Tân Vũ - Lạch Huyện.

- Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/HĐBĐ ký ngày 11/04/2018; tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ khối lượng thi công xây lắp hình thành trong tương

lai phát sinh theo Hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018 giữa Công ty cổ phần tập đoàn D và Công ty C nay là công ty cổ phần C - Hạng mục thi công mở rộng sân đỗ máy bay khu 19,79 ha đất Quân sự bàn giao tại Tân Sơn Nhất. Giá trị quyền đòi nợ theo hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018 là 46.840.496.000 đồng (bốn mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

- Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/HĐBĐ ký ngày 27/09/2018; tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ khối lượng thi công xây lắp hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017 và Phụ lục 01 ngày 30/05/2018 và Phụ lục 02 ngày 20/06/2018 giữa Công ty cổ phần tập đoàn D và Công ty C (nay là Công ty cổ phần C) - Hạng mục thi công toàn bộ hạng mục thộc tuyến đường Đ.N1A (Km0 + 000-km1=1500,0), trừ các hạng mục cây xanh, điện chiếu sáng, sơn kẻ đường, biển báo. Giá trị quyền đòi nợ theo Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017 và Phụ lục 01 ngày 30/05/2018; Phụ lục 02 ngày 20/06/2018 là 26.283.575.705 đồng(Hai mươi sáu tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm linh năm đồng).

Công Ty C nay là Công ty cổ phần C phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu sau khi đã khấu trừ giá trị các tài sản phát mại.

[7]. Trường hợp số tiền phát mại tài sản lớn hơn phạm vi tài sản thế chấp thì Ngân hàng sẽ trả lại cho chủ tài sản thế chấp, trường hợp ít hơn Công Ty C nay là Công ty cổ phần C phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu sau khi đã khấu trừ các giá trị tài sản phát mại.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho B thì B có quyền yêu cầu Công Ty C nay là Công ty cổ phần C tiếp tục trả nợ theo quy định của Pháp luật.

[8]. Kể từ ngày tiếp sau ngày 05/01/2024 tài sản thế chấp trên còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán.

[9]. B tiếp tục quản lý hồ sơ giấy tờ sở hữu tài sản thế chấp của bên thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12]. Về án phí: Nguyên đơn - B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền được chấp nhận; B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn - Công Ty C nay là Công ty cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 136.108.018 đồng.

[12]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, 280, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 332, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng;
- Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ Về Giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo;
- Thông tư số 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đối với Công Ty C nay là Công ty cổ phần C .

II. Buộc Công Ty C nay là Công ty cổ phần C phải trả cho Ngân hàng B khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6730527/HĐTD ngày 24/03/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 24/3/2015; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6730527/HĐTD ngày 11/9/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 11/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 05/2015/6730527/HĐTD ngày 07/10/2015 và Bảng kê rút vốn ngày 17/11/2015; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/6730527/HĐTD ngày 20/11/2018, hạn mức tối đa 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), các Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 22/11/2018, 28/11/2018, 13/12/2018, 21/12/2018, 04/01/2019, 15/01/2019, 15/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 30/01/2019, 11/03/2019, 04/04/2019, 22/04/2019, 06/06/2019, 30/09/2019; tính đến ngày 04/01/2024 là **28.108.018.245 đồng** (Hai mươi tám tỷ, một trăm linh tám triệu, không trăm mười tám nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc là **18.672.355.307 đồng**, dư nợ lãi trong hạn: 1.913.339.188 đồng; dư nợ lãi quá hạn: 7.522.323.750 đồng.

Cụ thể:

TT	Tài khoản vay	Ngày vay	Số tiền giải ngân	Dư nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Tổng lãi
1	401260243581	15/9/2015	1,450,000,000	290,000,000	38,335,785	144,550,658	182,886,443
2	401260244681	25/9/2015	525,000,000	78,750,000	10,419,719	39,732,635	50,152,354
3	401260249835	17/11/2015	2,460,600,000	492,120,000	65,813,190	245,282,069	311,095,259
4	401260363230	22/11/2018	946,990,853	911,614,057	94,015,295	375,898,944	469,914,239
5	401260364297	28/11/2018	1,200,425,203	1,200,425,203	121,292,278	490,825,853	612,118,131
6	401260367287	13/12/2018	3,000,000,000	3,000,000,000	303,123,287	1,221,369,847	1,524,493,134
7	401260368332	21/12/2018	997,579,916	744,003,717	75,174,951	302,249,006	377,423,957
8	401260369706	4/1/2019	721,435,288	721,435,288	72,894,612	292,052,766	364,947,378
9	401260371622	15/1/2019	212,610,047	212,610,047	21,482,352	85,789,644	107,271,996
10	401260371613	15/1/2019	316,499,024	316,499,024	31,979,408	127,709,546	159,688,954
11	401260375253	30/1/2019	907,996,000	907,996,000	91,744,911	364,989,464	456,734,375
12	401260375235	30/1/2019	1,100,000,000	1,100,000,000	111,145,205	442,169,871	553,315,076
13	401260375262	30/1/2019	2,415,941,770	2,415,941,770	244,109,404	971,142,434	1,215,251,838
14	401260379963	11/3/2019	756,210,000	756,210,000	76,408,287	300,412,151	376,820,438
15	401260383487	4/4/2019	627,298,710	627,298,710	63,382,949	247,688,458	311,071,407
16	401260386662	22/4/2019	743,566,081	743,566,081	75,130,732	292,048,349	367,179,081

17	401260393228	6/6/2019	1,574,876,956	1,574,876,956	159,127,293	610,965,933	770,093,226
18	401260408247	30/9/2019	2,579,008,454	2,579,008,454	257,759,530	967,446,122	1,225,205,652
Tổng cộng			22,536,038,302	18,672,355,307	1,913,339,188	7,522,323,750	9,435,662,938

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 05/01/2024 cho đến khi thi hành án xong, Công Ty C nay là Công ty cổ phần C phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

III. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty C nay là công ty cổ phần C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng B thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp tài sản và các cam kết thanh toán tiền của Công ty cổ phần tập đoàn D là:

1. Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6730527/HĐBĐ ngày 24/03/2015, tài sản thế chấp là Xe Toyota – Hilux – loại xe tải pickup cabin kép có 05 chỗ ngồi. Biển kiểm soát 29C-479.00 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 20/03/2015.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6730527/HĐBĐ ngày 23/04/2015, tài sản thế chấp là 01 (một) Xe ô tô Toyota Fortuner, 2 cầu động cơ xăng - 07 chỗ ngồi, Biển kiểm soát: 30A - 436.17, Số khung: 59G2E9018953, Số máy: 2TR7874618 theo Đăng ký xe ô tô số 064235 do Phòng CSGT Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty Cổ phần C.

3. Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015/6730527/HĐBĐ ngày 07/10/2015; Văn bản sửa đổi số 05/2015/6730527/SĐBS ngày 22/12/2015; tài sản thế chấp là 01 (một) máy bơm bê tông Putzmister BSA2109H - D và một hệ thống ống chịu áp lực loại SK.

4. Hợp đồng thế chấp số 03/2015/6730527/HĐBĐ ngày 11/09/2015; Văn bản sửa đổi số 01/2015/6730527/SĐBS ngày 26/10/2015; tài sản thế chấp là 01 (một) Xe oto tải Dong Feng có cần cẩu BKS 29C-560.79 do phòng Cảnh sát Giao thông Hà Nội cấp ngày 31/8/2015.

5. Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6730527/HĐBĐ ngày 31/10/2016; tài sản thế chấp là 01 (một) máy bơm vữa pitong, 20m³/h, 01 (một) thiết bị đồng bộ hệ thống trạm trộn vữa xi măng; 01 (một) máy xúc lật bánh lốp Komatsu (số khung W002 – 30537); 01(một) búa đá thủy lực Furukawa.

6. Hợp đồng thế chấp số 01/2017/6730527/HĐBĐ ký ngày 14/12/2017; tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ khối lượng thi công xây lắp hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng xây dựng số 13201/2017/C4-414 ngày 16/11/2017 giữa Công ty cổ phần tập đoàn D và Công ty Cnay là Công ty cổ phần C - Hạng mục thi công một số hạng mục tại Nút giao Tân Vũ, Dự án: Xây dựng đường ô tô Tân Vũ - Lạch Huyện.

7. Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6730527/HĐBĐ ký ngày 11/04/2018; tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ khối lượng thi công xây lắp hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày 16/01/2018 giữa Công ty cổ phần tập đoàn D và Công Ty Cnay là Công ty cổ phần C - Hạng mục thi công mở rộng sân đỗ máy bay khu 19,79 ha đất Quân sự bàn giao tại Tân Sơn Nhất. Giá trị quyền đòi nợ theo hợp đồng xây dựng số 184/2018/C4-414 ngày

16/01/2018 là 46.840.496.000 đồng (bốn mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

8. Hợp đồng thế chấp số 03/2018/6730527/HĐBĐ ký ngày 27/09/2018; tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ khối lượng thi công xây lắp hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017 và Phụ lục 01 ngày 30/05/2018 và Phụ lục 02 ngày 20/06/2018 giữa Công ty cổ phần tập đoàn D và Công Ty Cnay là Công ty cổ phần C - Hạng mục thi công toàn bộ hạng mục thộc tuyến đường Đ.N1A (Km0 + 000-km1=1500,0), trừ các hạng mục cây xanh, điện chiếu sáng, sơn kẻ đường, biển báo. Giá trị quyền đòi nợ theo Hợp đồng xây dựng số 12898/2017/C4-414 ngày 18/10/2017 và Phụ lục 01 ngày 30/05/2018; Phụ lục 02 ngày 20/06/2018 là 26.283.575.705 đồng(Hai mươi sáu tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm linh năm đồng).

IV. Trường hợp số tiền phát mại các tài sản lớn hơn phạm vi tài sản thế chấp thì Ngân hàng sẽ trả lại cho chủ tài sản thế chấp, trường hợp không đủ để trả nợ thì Công Ty C nay là Công ty Cổ phần C phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu sau khi đã khấu trừ giá trị tài sản phát mại.

Kể từ ngày tiếp sau ngày 5/01/2024 các tài sản thế chấp trên còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán.

V. Ngân hàng B tiếp tục quản lý hồ sơ giấy tờ sở hữu các tài sản thế chấp của các bên thế chấp cho đến khi Công Ty C nay là Công ty cổ phần C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

VI. Công Ty C nay là Công ty cổ phần C phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu sau khi đã khấu trừ giá trị tài sản phát mại. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng B thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Công Ty C nay là Công ty cổ phần C tiếp tục trả nợ theo quy định của Pháp luật.

VII. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

VIII. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công Ty C nay là Công ty cổ phần C phải chịu án phí sơ thẩm là **136.108.018** đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, một trăm linh tám nghìn, không trăm mười tám đồng).

Ngân hàng B được trả lại số tiền tạm ứng án phí là: **67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng)** theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007942 ngày 23/06/2023 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

IX. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Chi cục THA DS quận Ba Đình;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; V.phòng.*

Nguyễn Hoài Phương